

HUY ĐỘNG VỐN ĐẦU TƯ VÀ PHÂN BỐ VỐN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CHO GIÁO DỤC ĐÀO TẠO VÀ DẠY NGHỀ Ở VIỆT NAM HIỆN NAY: THỰC TRẠNG VÀ GIẢI PHÁP

Nguyễn Thị Hương¹

Tóm tắt. Để nắm bắt được thực trạng cơ chế chính sách và thực hiện cơ chế chính sách đầu tư cho giáo dục đào tạo và dạy nghề, góp phần thực hiện thành công các mục tiêu phát triển kinh tế xã hội của đất nước, trên cơ sở phân tích thực trạng huy động vốn đầu tư và phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho giáo dục đào tạo và dạy nghề ở nước ta thời gian vừa qua, bài viết đề xuất một số giải pháp nâng cao hiệu quả để huy động và sử dụng hợp lý các nguồn lực đầu tư cho phát triển giáo dục đào tạo và dạy nghề.

Từ khóa: *Giáo dục, đào tạo và dạy nghề, huy động vốn đầu tư, phân bổ vốn ngân sách nhà nước.*

1. Mở đầu

Đối với các nước đang phát triển như Việt Nam, muốn đưa đất nước nhanh chóng phát triển kinh tế thì không có cách nào khác là phải đầu tư cho nguồn lực con người nói chung, cho giáo dục và đào tạo nói riêng. Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 của Hội nghị lần thứ 8 Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XI về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế tiếp tục ghi nhận giáo dục, đào tạo là quốc sách hàng đầu, là sự nghiệp của Đảng, Nhà nước và của toàn dân. Đầu tư cho giáo dục là đầu tư phát triển, được ưu tiên đi trước trong các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội.

Trung ương Đảng vẫn nhận định rằng, chất lượng, hiệu quả giáo dục, đào tạo còn thấp so với yêu cầu, nhất là giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp; đầu tư cho giáo dục và đào tạo chưa hiệu quả; chính sách, cơ chế tài chính cho giáo dục, đào tạo chưa phù hợp; cơ sở vật chất kỹ thuật còn thiếu và lạc hậu, tư duy bao cấp còn nặng, làm hạn chế khả năng huy động các nguồn lực xã hội đầu tư cho giáo dục, đào tạo. Một trong các nguyên nhân của tồn tại trên là cơ chế đầu tư cho giáo dục và đào tạo vẫn còn một số bất cập, chưa phát huy hiệu quả nguồn vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước và chưa thực sự thu hút được các nguồn lực ngoài ngân sách nhà nước tham gia đầu tư phát triển giáo dục và đào tạo. Cơ chế phân bổ ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục còn mang nặng tính bao cấp và bình quân, chưa có quy định cụ thể về trách nhiệm của các cơ sở giáo dục tham gia

Ngày nhận bài: 06/11/2017. Ngày nhận đăng: 11/12/2017.

¹Khoa Cơ bản, Học viện Quản lý giáo dục;
e-mail: huongsun1411@yahoo.com.

đầu tư phát triển Giáo dục và Đào tạo; việc phê duyệt các dự án đầu tư trong lĩnh vực Giáo dục và Đào tạo còn dàn trải, chưa gắn với khả năng cân đối nguồn vốn dẫn đến hiệu quả đầu tư kém, lãng phí nguồn lực đầu tư của Nhà nước.

2. Thực trạng huy động vốn đầu tư cho giáo dục đào tạo và dạy nghề

Nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cho giáo dục đào tạo và dạy nghề tiếp tục tăng nếu tính trung bình trên đầu sinh viên, nhưng chủ yếu là tăng chi thường xuyên, còn chi đầu tư thì gần như giữ nguyên, thậm chí có xu hướng giảm. Số liệu tổng hợp về chi tiêu của Bộ Tài chính cho thấy đã có sự tăng mạnh về mức chi tiêu (theo giá cố định) cho giáo dục đại học công lập, tuy xu hướng này chỉ thấy rõ trong giai đoạn 2009 đến 2012. Mặc dù chỉ có thể có được chuỗi thời gian về tổng chi tiêu cho giai đoạn 2009-2012 nhưng cũng có thể thấy chi tiêu cho các cơ sở giáo dục đại học đã tăng từ mức gần 12,4 nghìn tỉ đồng lên 18,5 nghìn tỉ đồng (giá năm 2010), trong khi số sinh viên chỉ tăng từ 1,72 triệu lên 2,18 triệu sinh viên trong cùng thời kỳ [3].

Cơ cấu nguồn vốn đang có sự chuyển dịch mạnh, từ chỗ các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề phụ thuộc hoàn toàn vào ngân sách nhà nước đến chỗ nguồn thu của các trường đã có sự đa dạng hóa. Nguồn tài chính cho phát triển các trường còn được huy động từ sự đóng góp của người học, sự đóng góp của xã hội, của các tổ chức quốc tế và của bản thân nhà trường. Tuy nhiên, mức độ đa dạng hóa cũng rất khác nhau. Khối các trường Kinh tế - Luật được xem là "đất hàng" nhất do nhu cầu thị trường theo học những ngành này ở giai đoạn đầu của thời kỳ chuyển đổi tăng cao. Tính cả giai đoạn này, tỉ trọng nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước của các trường khối Kinh tế-Luật là 38%-47% và từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước là 53%-62%. Cơ cấu này có xu hướng dịch chuyển mạnh theo hướng giảm dần tỉ lệ nguồn thu từ ngân sách nhà nước. Trong khi đó, mức độ phụ thuộc vào ngân sách nhà nước của các trường thuộc khối kỹ thuật công nghệ hay khoa học cơ bản vẫn còn tương đối lớn [9].

Khảo sát sơ bộ ở một số trường đại diện cho cả khối Kinh tế-Luật và khối kỹ thuật-công nghệ cho thấy: tỷ trọng nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước tiếp tục giảm và tỷ lệ nguồn tài chính ngoài ngân sách nhà nước tiếp tục tăng lên mạnh hơn trong cơ cấu nguồn tài chính của các trường (Bảng 1). Đến những năm 2011-2013, nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cho các trường ĐH khối kinh tế chiếm một tỉ trọng nhỏ. Ví dụ, ngân sách nhà nước của trường Đại học Kinh tế TP HCM chỉ chiếm từ 1,46%-2,15% tổng nguồn thu của trường. Trường Đại học Kinh tế quốc dân do thực hiện dự án xây dựng nhà Trung tâm nên được ngân sách nhà nước đầu tư xây dựng cơ bản lớn, do đó tỷ lệ ngân sách nhà nước chiếm cao hơn từ 12,59 % đến 27,57%. Nếu loại bỏ yếu tố này thì nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cũng chỉ chiếm trong khoảng 2% tổng nguồn tài chính của trường. Các trường khối Kỹ thuật - Công nghệ như Mỏ Địa Chất và trường đa ngành như Đại học Thái Nguyên, tỷ lệ nguồn tài chính từ ngân sách nhà nước cũng giảm mạnh, chỉ chiếm trong khoảng 26,71% đến 37,84% tổng nguồn tài chính của các khối trường này.

Những số liệu thống kê tổng hợp trên đây cũng được phản ánh khá nhất quán đối với trường hợp các cơ sở dạy nghề (xem Bảng 2). Theo đó, nguồn huy động vốn đầu tư ngoài ngân sách đã tăng gấp 2 lần trong khoảng thời gian từ 2007 đến 2014. Trong đó, nguồn vốn đầu tư chủ yếu ngoài ngân sách nhà nước là đóng góp của người học, thu từ hoạt động cung ứng dịch vụ còn chiếm một tỷ lệ rất nhỏ, chưa tương xứng với lợi thế của các trường dạy nghề.

Bảng 1. Cơ cấu nguồn tài chính ở một số trường đại học (2011-2013) [9]

Đơn vị tính: %

Nội dung	KTQD		ĐHKT TP. HCM		MĐC		ĐHTH	
	2011	2013	2011	2013	2011	2013	2011	2013
Tổng thu 2011	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00	100,00
NSNN	12,59	27,57	1,46	2,15	37,84	33,05	28,33	26,71
Ngoài NSNN	87,41	82,43	98,54	97,85	62,16	66,95	71,67	73,29
- Người học	69,19	57,57	71,52	76,26	58,12	61,79	63,12	66,57
- DN, tổ chức ngoài trường	0	0	9,72	6,47	2,04	1,93	6,45	5,09
- Từ nhà trường	18,22	14,86	17,30	15,12	2,0	3,23	2,10	1,63

Trong đó: KTQD - Trường Đại học Kinh tế quốc dân; ĐHKT TP. HCM - Trường Đại học Kinh tế TP. Hồ Chí Minh
MĐC - Trường Đại học Mở đại chất; ĐHTN - Đại học Thái Nguyên; NSNN - Ngân sách nhà nước

Bảng 2. Nguồn ngoài ngân sách nhà nước cho dạy nghề giai đoạn 2007-2014 [3]

Đơn vị tính: %

Nội dung	Giai đoạn 2007 - 2014								
	Tổng số	2007	2008	2009	2010	2011	2012	2013	2014
Nguồn huy động khác ngoài ngân sách nhà nước	12.840	1.021	1.066	1.103	1.790	1.801	1.725	1.997	2.338
Tốc độ tăng hàng năm (%)			4,43	3,41	62,29	0,61	(4,18)	15,73	17,09
<i>I. Dân đóng góp (chủ yếu là học phí)</i>	8,799	496	593	693	1,242	1,256	1,293	1,549	1,678
+ Cao đẳng nghề	2,704	58	111	175	422	419	442	538	539
+ Trung cấp nghề	2,361	124	162	163	379	372	339	404	418
+ Sơ cấp nghề	3,734	314	320	355	441	466	512	606	721
<i>II. Thu hoạt động sxkd dịch vụ tại các CSDN</i>	983	86	95	104	114	126	139	152	168
<i>III. Đầu tư tài trợ của các tổ chức, cá nhân trong nước</i>	1,089	99	119	139	155	126	129	155	168
<i>IV. Đầu tư tài trợ của các tổ chức, cá nhân nước ngoài</i>	1,969	340	260	167	278	293	165	141	325

Tóm lại, số liệu về tài chính cho phát triển các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề ở nước ta trong thời gian qua đã thể hiện sự chuyển dịch rất rõ nét theo hướng giảm dần tỷ trọng nguồn thu từ ngân sách nhà nước và tăng dần tỷ trọng nguồn thu ngoài ngân sách. Điều này có ý nghĩa cực kỳ quan trọng đối với việc xây dựng một cơ chế mới phân bổ vốn ngân sách nhà nước đầu tư cho giáo dục đào tạo và dạy nghề trong thời gian tới sao cho cơ chế đó không được gây ra hiện tượng thoái lui đầu tư tư nhân. Trái lại, nó phải thực sự tạo động lực khuyến khích các trường thu hút thêm các nguồn ngoài ngân sách nhà nước.

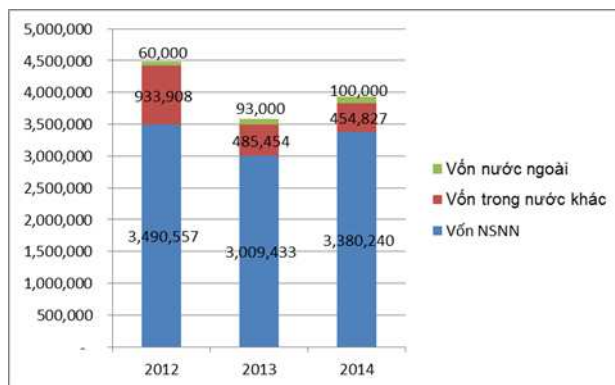
Kết quả khảo sát trực tuyến các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề về ý kiến của các trường có khả năng khai thác thêm các nguồn vốn khác ngoài ngân sách cho sự phát triển của trường. Có 26

trường (33%) bày tỏ sẵn sàng vay vốn để đầu tư, 21 trường (27%) trả lời không và 32 trường (40%) không rõ hoặc không trả lời [3]. Điều đó chứng tỏ đa số các trường còn rất ngần ngại với những cơ chế tài trợ mà trong đó nhà trường phải chịu trách nhiệm trả nợ. Ngay với các trường sẵn sàng đi vay cũng chỉ vay có điều kiện ưu đãi như nhà nước hỗ trợ lãi suất hoặc ân hạn trong một thời gian nhất định. Ngoài ra, lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề là một loại hình dịch vụ đặc thù không đơn thuần vì lợi nhuận. Do đó, ngoài năng lực tài chính, các đối tác lựa chọn phải có hiểu biết về giáo dục đào tạo và dạy nghề, có niềm tin lẫn nhau. Dự án liên doanh, liên kết phải đảm bảo đôi bên cùng có lợi, nhưng đồng thời phải có tính bền vững và mang lại giá trị gia tăng cho xã hội.

3. Thực trạng phân bổ vốn ngân sách nhà nước cho giáo dục đào tạo và dạy nghề

3.1. Xu hướng chung trong phân bổ vốn đầu tư từ NSTW cho giáo dục đào tạo và dạy nghề

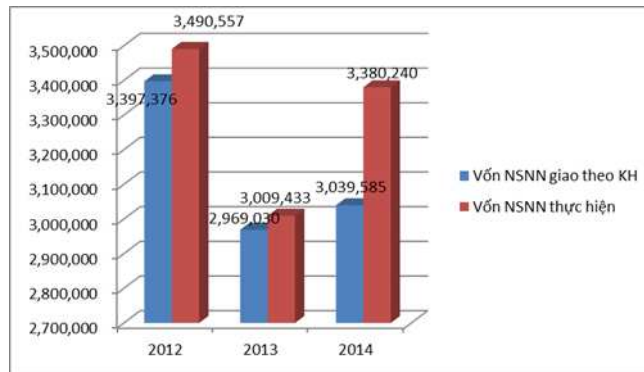
Cho đến nay, đầu tư cho giáo dục đào tạo và dạy nghề công lập ở Việt Nam chủ yếu từ nguồn trong nước. Hình 1. cho thấy, liên tục trong ba năm 2012-2014, vốn trong nước đều chiếm trên 96% tổng vốn đầu tư phát triển của các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề.



Hình 1. Cơ cấu vốn đầu tư phát triển cho giáo dục đào tạo và dạy nghề (2012-2014)

Theo số liệu trên, nguồn vốn ngoài ngân sách liên tục giảm qua các năm, làm tỉ trọng đầu tư từ ngân sách nhà nước tăng ở mức cao nhất là 86% mà thôi. Như vậy, việc đổi mới cơ chế đầu tư cho các trường theo hướng khuyến khích tự chủ và tăng cường khai thác các nguồn vốn khác ngoài ngân sách là cần thiết, nhưng chưa phát huy được hiệu quả, cần phải có lộ trình thay đổi từng bước và được tính toán kỹ lưỡng. Mặc dù ngân sách nhà nước là nguồn vốn chủ đạo trong đầu tư cho giáo dục đào tạo và dạy nghề, khả năng đáp ứng của ngân sách còn thấp rất xa so với nhu cầu. Hàng năm, theo qui trình đề xuất, phê duyệt và phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước, các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề đều lập dự toán cho dự án đề xuất và gửi lên bộ chủ quản. Bộ phận phụ trách công tác kế hoạch và đầu tư của các bộ sẽ tổng hợp nhu cầu và gửi lên Bộ Kế hoạch và Đầu tư. Nếu so với nhu cầu về vốn được các bộ chủ quản gửi lên với kế hoạch giao vốn (Hình 2) thì có thể thấy, chưa năm nào lượng vốn dự kiến giao vượt quá 65% nhu cầu đề xuất. Năm 2015, với chủ trương quyết liệt loại bỏ các dự án đề xuất mà không làm rõ được tính khả thi về nguồn vốn (theo tinh thần Luật Đầu tư công 2014) nên tổng nhu cầu vốn đề xuất đã giảm rõ rệt so với các năm trước đó. Nhưng ngay cả như vậy thì ngân sách nhà nước trung ương cũng chỉ có thể đáp ứng được 54% nhu cầu.

Hiện tượng đầu tư dàn trải là một căn bệnh phổ biến ở Việt Nam, một phần do áp lực cần được đầu tư từ các trường quá lớn, khiến các cơ quan chịu trách nhiệm phân bổ có xu hướng muốn “ai cũng có phần”. Ở Hình 2, có thể thấy thực tế vốn thực hiện đều cao hơn so với kế hoạch vốn ngân sách nhà nước được giao, đặc biệt là trong năm 2014. Điều này chứng tỏ tiến độ giải ngân các dự án đã được đẩy nhanh, có thể một phần là do việc thẩm định nguồn vốn sát thực hơn và các dự án được phê duyệt đều đã có căn cứ đảm bảo về nguồn vốn.



Hình 2. So sánh giữa vốn ngân sách nhà nước giao theo kế hoạch và vốn thực hiện

3.2. Cơ chế ưu tiên phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước cho các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề

Từ những phân tích ở trên có thể thấy, hướng chiến lược trong đổi mới cơ chế hoạt động của các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề ở nước ta là nâng cao tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề. Do đó, mục tiêu của cơ chế phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước sẽ phải tạo động lực để các trường chuyển dịch nhanh theo hướng khuyến khích các trường tự chủ, tự chịu trách nhiệm cao hơn. Muốn vậy, việc phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước phải dựa trên một bộ tiêu chí minh bạch, tạo được tính cạnh tranh trong đề xuất hỗ trợ vốn, gắn việc đầu tư từ ngân sách nhà nước với các ưu tiên chiến lược quốc gia trong đổi mới cơ chế hoạt động của các trường, gắn với cam kết của các trường trong nâng cao kết quả hoạt động, cụ thể:

- Khuyến khích các trường tăng cường tính tự chủ, tự chịu trách nhiệm.
- Ưu tiên đầu tư cho các ngành đào tạo phù hợp với chiến lược phát triển Giáo dục và Đào tạo của quốc gia.
- Gắn việc phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước với kết quả hoạt động của các trường,
- Đưa yếu tố cạnh tranh vào quá trình đề xuất xin cấp vốn thông qua việc tạo động lực để các trường nâng cao chất lượng chuẩn bị đề xuất chủ trương đầu tư và thuyết minh dự án chi tiết (như gắn với kết quả giáo dục đào tạo và dạy nghề của một số năm trong quá khứ, năng lực đào tạo và nghiên cứu của nhà trường, cam kết nâng cao chất lượng đào tạo và nghiên cứu trong tương lai...).

Ý thức nâng cao tính tự chủ của các trường trong đầu tư phát triển được phản ánh qua sự cam kết của nhà trường với các dự án được đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước cũng như tính chủ động trong việc khai thác các nguồn ngoài ngân sách cho dự án.

Báo cáo điều tra, đánh giá thực trạng và nghiên cứu đề xuất đổi mới cơ chế đầu tư cho giáo

dục đào tạo và dạy nghề của Bộ kế hoạch và đầu tư (2016) đã tập trung làm rõ mức độ góp vốn đối ứng của các trường, coi đó là một biểu hiện cụ thể của khả năng vươn lên trong các nấc thang tự chủ của nhà trường. Kết quả khảo sát cho thấy, có 24 trên 87 dự án được đầu tư từ NSTW trong giai đoạn 2011-2015 có mức độ góp vốn đối ứng của các trường từ 10-30% (chiếm 27,6% tổng số các dự án có trả lời câu hỏi này) và 14 dự án có tỉ lệ vốn đối ứng trên 30% (chiếm 16,1%). Như vậy, gần một nửa (43,7%) số dự án đã có tỉ lệ góp vốn đối ứng trên 10% (Bảng 3).

Bảng 3. Tình hình góp vốn đối ứng của các trường trong những dự án được đầu tư từ ngân sách Trung ương giai đoạn 2011-2015

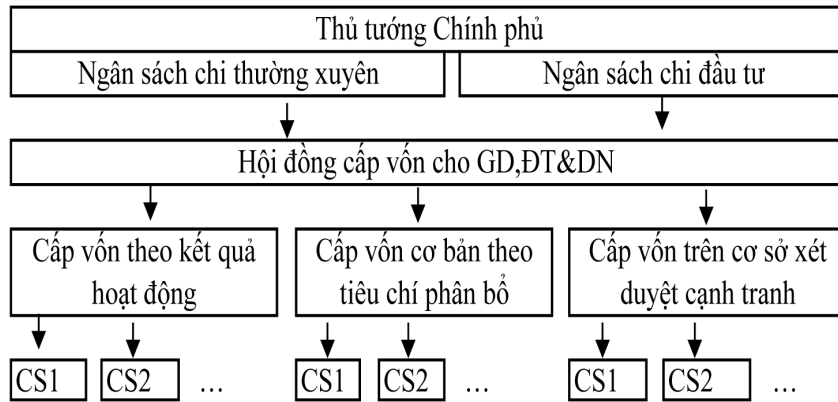
Tỉ lệ góp vốn đối ứng	Trường Đại học			Trường Cao đẳng			Trường nghề		
	Số dự án	Tỷ lệ toàn mẫu (%)	Tỷ lệ trên số trả lời (%)	Số dự án	Tỷ lệ toàn mẫu (%)	Tỷ lệ trên số trả lời (%)	Số dự án	Tỷ lệ toàn mẫu (%)	Tỷ lệ trên số trả lời (%)
Không có	9	13,2	21,4	7	17,9	41,2	14	31,8	50,0
Có từ 1% - 10%	10	14,7	23,8	2	5,1	11,8	7	15,9	25,0
Có từ trên 10% - 30%	14	20,6	33,3	4	10,3	23,5	6	13,6	21,4
Trên 30%	9	13,2	21,4	4	10,3	23,5	1	2,3	3,6
Tổng số trả lời	42	61,8		17	43,6		28	63,6	
Không trả lời	26	38,2		22	56,4		16	36,4	
Tổng	68	100	100	39	100	100	44	100	100

4. Đề xuất một số giải pháp

Về dài hạn, cơ chế phân bổ vốn cho giáo dục đào tạo và dạy nghề lý tưởng là thực hiện đồng thời cho cả chi thường xuyên và chi đầu tư từ NSTW đều do một cơ quan trung ương quản lý nhằm nâng cao hiệu quả và hiệu suất của ngân sách nhà nước. Kinh nghiệm quốc tế cho thấy, điều quan trọng là mỗi đơn vị khi lập kế hoạch đều phải hợp nhất kế hoạch chi thường xuyên và chi đầu tư vào một bản kế hoạch phát triển chung duy nhất (vì bất kể dự án đầu tư nào cũng đều có hàm ý rất lớn về chi thường xuyên, chẳng hạn, như một dự án đầu tư thêm lớp học chỉ có thể phát huy tác dụng tốt nhất khi bố trí đủ giáo viên, các chi phí vận hành bảo dưỡng tương ứng). Vì thế, mô hình lý tưởng nhất là một cơ quan quản lý ngân sách toàn diện dành cho giáo dục đào tạo và dạy nghề, như kinh nghiệm của Hội đồng cấp vốn cho giáo dục đại học (HEFCE) của Anh hay Ủy ban tài trợ đại học (UGC) của Sri Lanka. Nếu đi theo cơ chế này thì mô hình tổ chức cuối cùng mà Việt Nam có thể hướng tới sẽ như minh họa trong Hình 3.

Theo mô hình trên, Hội đồng cấp vốn cho giáo dục đào tạo và dạy nghề quốc gia sẽ quản lý cả vốn chi thường xuyên và chi đầu tư được Chính phủ phân bổ cho lĩnh vực giáo dục đào tạo và dạy nghề. Ngân sách này sẽ được chia làm các gói (hoặc các quỹ ngân sách khác nhau) nhằm đáp ứng các mục tiêu khác nhau của các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề, cụ thể như sau:

Gói ngân sách cơ bản được cấp vốn cho các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề nhằm đảm bảo hoạt động bình thường ở mức tiêu chuẩn chung dành cho các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề công lập. Với ngân sách này, việc phân bổ sẽ áp dụng các tiêu chí ưu tiên nhằm khuyến khích các cơ sở có thể tự ổn định được hoạt động và có cam kết hoặc đang trong lộ trình tăng dần mức độ tự chủ.



Hình 3. Mô hình đề xuất về cơ chế phân bổ vốn hợp nhất cho giáo dục đào tạo và dạy nghề Việt Nam trong dài hạn

Gói ngân sách xét duyệt theo cơ chế cạnh tranh sẽ thực hiện việc phân bổ vốn trên cơ sở đánh giá chất lượng của các dự án do các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề đề xuất dựa trên thang điểm chi tiết, và việc cấp vốn được thực hiện đối với các dự án theo số điểm từ cao xuống thấp dựa trên tổng mức vốn thực tế của gói được ngân sách nhà nước cấp theo hàng năm. Như vậy, các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề sẽ phải tự cạnh tranh với nhau dựa trên năng lực thiết kế và quản lý dự án.

Gói ngân sách cấp vốn theo kết quả hoạt động sẽ buộc các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề phải cam kết về nâng cao chất lượng hoạt động sau khi được cấp vốn. Một hệ thống theo dõi, đánh giá kết quả hoạt động khách quan sẽ được thiết lập nhằm đánh giá việc thực hiện những cam kết đó của các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề. Việc cấp vốn sẽ được thực hiện căn cứ vào các cam kết về nâng cao chất lượng và đề xuất hoạt động kèm theo của các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề.

5. Kết luận

Từ những phân tích trên có thể thấy ta đã chú trọng đầu tư phát triển cho giáo dục đào tạo và dạy nghề, trong đó ngân sách nhà nước hiện nay vẫn là nguồn đầu tư chính cho các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề. Số lượng dự án đầu tư cho giáo dục đào tạo và dạy nghề không ngừng tăng lên, nhiều dự án có qui mô đầu tư lớn được triển khai. Kết quả đầu tư đã cải thiện đáng kể điều kiện cơ sở vật chất cho giáo dục đào tạo và dạy nghề, trong đó tập trung cải thiện điều kiện dạy và học cho tất cả các cấp học. Nguồn tài chính cho phát triển giáo dục đào tạo và dạy nghề ở Việt Nam đã có sự chuyển dịch rõ rệt về cơ cấu, nguồn huy động tài chính ngoài ngân sách nhà nước đã đa dạng hơn. Tỷ lệ nguồn tài chính huy động ngoài ngân sách của nhiều trường đại học đã chiếm đa số trong tổng nguồn thu, nguồn thu ngoài ngân sách của các cơ sở dạy nghề cũng tăng lên liên tục. Tỷ trọng tham gia của vốn đầu tư từ nguồn ngoài ngân sách nhà nước cho cơ sở vật chất của các cơ sở giáo dục đào tạo và dạy nghề vẫn còn hạn chế. Cơ chế phân bổ vốn đầu tư từ ngân sách nhà nước của Việt Nam đã tương đối đầy đủ, và liên tục được điều chỉnh cho phù hợp với điều kiện thực tế. Tuy nhiên, hiện nay vẫn còn tồn tại những nhược điểm có thể khắc phục được và cần được xử lý sớm trong thời gian tới để đạt được các mục tiêu như kỳ vọng.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2009), *Đề án “Đổi mới cơ chế tài chính đối với giáo dục Việt Nam giai đoạn 2009 - 2014”*.
- [2] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2016), *Thống kê giáo dục đào tạo năm 2015*, Hà Nội, www.moet.gov.vn.
- [3] Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2016), *Điều tra, đánh giá thực trạng và nghiên cứu đề xuất đổi mới cơ chế đầu tư cho giáo dục đào tạo và dạy nghề*.
- [4] Hội đồng Ngân sách cho Giáo dục Đại học Anh (HEFCE) (2015), *Hướng dẫn tài trợ 2015-2016: Cách thức HEFCE phân bổ ngân sách*, www.hefce.ac.uk
- [5] Phạm Hùng Hiệp, Trần Ngọc Anh (2014), *Chia sẻ chi phí – rào cản hay tiền đề cho phát triển giáo dục đại học ở Việt Nam*, Hội thảo Cải cách giáo dục Đại học VED 2014.
- [6] Phan Thị Bích Nguyệt (2016), *Tài chính cho giáo dục và tự chủ đại học*, Kỷ yếu hội thảo Tự chủ đại học - Cơ hội và thách thức, Hội đồng quốc gia giáo dục và phát triển nhân lực; Hiệp hội các trường Đại học, cao đẳng Việt Nam (tháng 9/2016).
- [7] Trần Đức Quý (2016), *Kinh nghiệm tự chủ tài chính tại trường Đại học công nghiệp Hà Nội*, Kỷ yếu hội thảo Tự chủ đại học - Cơ hội và thách thức, Hội đồng quốc gia giáo dục và phát triển nhân lực; Hiệp hội các trường Đại học, cao đẳng Việt Nam (tháng 9/2016).
- [8] Trần Quốc Toàn (2016), *Một số vấn đề về cơ chế tự chủ của các trường đại học*, Kỷ yếu hội thảo Tự chủ đại học - Cơ hội và thách thức, Hội đồng quốc gia giáo dục và phát triển nhân lực; Hiệp hội các trường Đại học, cao đẳng Việt Nam (tháng 9/2016).
- [9] Trần Thị Thanh Nga (2014), *Kết quả điều tra khảo sát về Vai trò của đa dạng hóa nguồn tài chính đối với sự phát triển đào tạo đại học*, Luận án tiến sỹ, Trường Đại học Kinh tế quốc dân.

ABSTRACT

**Mobilizing investment capital and distribution of state budget
for education and vocational training in Viet Nam: Current situation and solutions**

To grasp the current status of policy mechanism and implementation of investment policy for education and vocational training, contributing to the successful implementation of the social and economic development objectives. On the basis of analyzing the situation of mobilizing investment capital and allocating the state budget for education and vocational training in our country, the article proposes some solutions to improve the efficiency in mobilizing and making rational use of investment resources for the development of education and vocational training.

Keywords: *Education and vocational training, Mobilizing capital investment, Allocating capital investment.*